



NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ DỊCH CHUYỂN CHUỖI CUNG RAU TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Thị Diệu Linh*, Trần Đức Trí

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 99 Hồ Đắc Di, TP. Huế, Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Tóm tắt: Với những lý do khách quan và chủ quan, chuỗi cung nông sản nói chung và chuỗi cung rau nói riêng đang và sẽ có những thay đổi trong cấu trúc cũng như trong các tác nhân tham gia. Thực tế đã có một sự dịch chuyển của chuỗi cung rau từ mô hình truyền thống, cấu trúc đến hiện đại hoá. Mục tiêu của bài báo nhằm tìm hiểu những yếu tố nào có thể ảnh hưởng đến sự dịch chuyển đó, và làm thế nào để sự dịch chuyển chuỗi cung rau mang lại lợi ích cho chính những tác nhân tham gia. Bài báo sử dụng phương pháp phân tích nhân tố để tìm những nhân tố tác động đến sự dịch chuyển chuỗi cung rau. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự dịch chuyển chuỗi cung rau tại tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm xu hướng tiêu thụ sản phẩm, xu hướng tiêu dùng, xu hướng sản xuất, toàn cầu hoá và chính sách của chính phủ. Kết quả phân tích hồi qui cho thấy biến xu hướng sản xuất có ảnh hưởng lớn nhất đến sự dịch chuyển chuỗi cung rau ($\beta = 0,305$), tiếp theo là chính sách của chính phủ ($\beta = 0,286$), xu hướng tiêu dùng ($\beta = 0,187$), xu hướng tiêu thụ sản phẩm ($\beta = 0,154$) và toàn cầu hoá có ảnh hưởng nhỏ nhất ($\beta = 0,102$).

Từ khoá: chuỗi cung rau, sự dịch chuyển chuỗi cung, phân tích nhân tố, phân tích hồi qui

1 Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, sản xuất rau ở Việt Nam nói chung và ở tỉnh Thừa Thiên Huế (TTH) nói riêng đã tạo nhiều việc làm và thu nhập cao cho người sản xuất so với một số cây trồng hàng năm khác. Nhu cầu tiêu dùng về các sản phẩm rau ngày càng tăng đã kéo theo sản xuất rau trong những năm vừa qua tại tỉnh Thừa Thiên Huế tăng lên cả về qui mô, số lượng và chất lượng (Báo cáo sản xuất rau, 2014). Ngoài ra, những thay đổi trong sở thích người tiêu dùng do quá trình toàn cầu hoá đã đẩy nhanh sự giao thoa văn hoá giữa các nước (Reardon và cs., 2008), trong kỹ thuật sản xuất và trong chính sách phát triển nông nghiệp đã tạo ra nhiều cơ hội phát triển cho chuỗi cung rau cũng như những tác nhân tham gia trong chuỗi nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức không nhỏ để thích ứng với những thay đổi đó. Bên cạnh đó, với nền kinh tế mở cửa, Việt Nam những năm gần đây chứng kiến sự xuất hiện của hàng loạt nhà bán lẻ trong và ngoài nước tham gia vào chuỗi cung nông sản để kết nối người sản xuất và người tiêu dùng. Điều này đã dẫn đến một thực tế rằng chuỗi cung nông sản nói chung và chuỗi cung rau nói riêng đang và sẽ có những thay đổi trong cấu trúc cũng như trong các tác nhân tham gia. Vậy, những yếu tố nào có thể ảnh hưởng đến sự dịch chuyển đó, và làm thế nào

* Liên hệ: linhlamvn@gmail.com

để sự dịch chuyển chuỗi cung rau mang lại lợi ích cho chính những tác nhân tham gia? Bài báo này sẽ giải đáp hai câu hỏi trên đối với chuỗi cung rau của tỉnh Thừa Thiên Huế.

2 Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1 Cơ sở lý thuyết

Những khái niệm cơ bản

“Chuỗi cung ứng là hệ thống các công cụ để chuyển hóa nguyên liệu thô từ bán thành phẩm tới thành phẩm, chuyển tới người tiêu dùng thông qua hệ thống phân phối” (Lee và Billington, 1995). Chuỗi cung ứng bao gồm tất cả các doanh nghiệp tham gia, một cách trực tiếp hay gián tiếp, trong việc đáp ứng nhu cầu khách hàng. Chức năng của chuỗi cung không bị giới hạn bởi hai hoạt động chính là sản xuất và phân phối mà còn được mở rộng bởi những hoạt động khác như phát triển sản phẩm mới, marketing, tài chính và dịch vụ khách hàng (Wisner và cs., 2012).

Theo McCullough và cs. (2008), chuỗi cung thực phẩm có ba mức độ phát triển bao gồm chuỗi cung truyền thống, chuỗi cung có cấu trúc và chuỗi cung được hiện đại hoá. Tùy vào mức độ phát triển của nền kinh tế mà chuỗi cung thực phẩm sẽ chuyển dịch dần theo trình tự 3 mức độ kể trên.

Cơ sở xây dựng mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của chuỗi cung rau

Xu hướng tiêu dùng

Chế độ ăn uống của người tiêu dùng thay đổi và xuất hiện nhu cầu ngày càng tăng của những sản phẩm chất lượng cao, an toàn và tiện lợi. Sự chuyển dịch trong tiêu thụ thực phẩm song song với sự tăng lên của thu nhập. Theo McCullough và cs. (2008), sự tăng lên trong thu nhập còn đi kèm với sự phát triển của tầng lớp trung lưu tại những nước đang phát triển, đặc biệt là ở châu Á và châu Mỹ La Tinh. Hơn nữa, với quá trình đô thị hoá diễn ra sâu sắc, người tiêu dùng sống tại các thành phố ngày càng nhiều và họ sẵn sàng chi trả cho những sản phẩm chất lượng, tươi và an toàn. Ngoài ra, theo Reardon và cs. (2008), toàn cầu hoá đã đẩy nhanh quá trình giao thoa văn hoá giữa các nước với nhau và làm xuất hiện nhiều thói quen ăn uống của phương Tây tại các nước phương Đông.

Xu hướng tiêu thụ sản phẩm

Xu hướng tiêu thụ sản phẩm là xu hướng phát triển của các kênh thị trường thực phẩm nói chung và thực phẩm tươi như rau, trái cây nói riêng. Nhiều nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng có một sự gia tăng đáng kể hệ thống các siêu thị và cửa hàng bán lẻ hiện đại trong chuỗi tiêu thụ thực phẩm tại các nước đang phát triển (Reardon và cs., 2003). Theo Cadilhon và cs.

(2006) thì siêu thị tại những nước đang phát triển đã kết nối được các quan hệ thị trường với nhau và tạo lập được một chuỗi cung gắn kết với những người bán buôn thứ cấp hoặc nông dân, điều này trái ngược với việc phụ thuộc vào các mối quan hệ truyền thống tại những thị trường giao ngay. Theo McCullough và cs. (2008), người dân là đối tượng được hưởng lợi nhiều từ những thoả thuận hợp đồng, nhưng rất khó để đánh đồng giữa những lợi ích của việc tham gia vào các hợp đồng của chính người nông dân với lợi ích của việc tham gia vào chuỗi giá trị. Tuy nhiên, có rất nhiều bằng chứng chứng minh rằng hộ nông dân nhỏ thường bị loại trừ ra khỏi những thoả thuận hợp đồng chính thống.

Xu hướng sản xuất

Xu hướng sản xuất cũng được xem là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của chuỗi cung thực phẩm nói chung và chuỗi cung rau nói riêng. Xu hướng sản xuất bao gồm sự phát triển về công nghệ, sự xuất hiện của những giống rau mới, sự biến động về giá của các yếu tố đầu vào và sự khan hiếm của nguồn cung lao động theo thời gian. Ngày nay, với sự phát triển của khoa học công nghệ, cách thức sản xuất rau của người nông dân cũng thay đổi theo hướng thâm dụng về công nghệ và vốn nhiều hơn là thâm dụng về lao động. Bên cạnh đó, sự ra đời của nhiều giống rau mới đã làm cho chủng loại rau được sản xuất ngày một phong phú, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Toàn cầu hoá

Toàn cầu hoá trong bán lẻ và kinh doanh nông nghiệp được thúc đẩy bởi sự tự do hoá trong thương mại cũng như trong đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Dòng vốn FDI ngày càng tăng tại những nước đang phát triển được xem là một trong những nguyên nhân thúc đẩy năng suất và những đổi mới trong lĩnh vực thực phẩm, đặc biệt là sự gia tăng xuất khẩu những sản phẩm nông nghiệp phi truyền thống (Wilkinson, 2008). Bên cạnh đó, tự do hoá thương mại và sự ra đời của nhiều khu vực thương mại tự do đã tạo ra không những cơ hội phát triển mà còn những thách thức không nhỏ cho ngành công nghiệp thực phẩm và nông nghiệp của những nước đang phát triển.

Chính sách của chính phủ

Đây là yếu tố được đưa thêm vào để nghiên cứu dựa vào đặc thù phát triển của Việt Nam. Nông nghiệp và khu vực kinh tế vẫn chiếm tỷ trọng lớn và đang tạo ra nhiều việc làm cho người lao động. Tính đến năm 2014, lực lượng lao động làm việc trong những ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản vẫn chiếm đến 46,3 % trong tổng lao động của cả nước. Đóng góp của khu vực nông nghiệp vào GDP của cả nước tuy đã giảm dần từ sau thập niên 90 nhưng vẫn luôn chiếm khoảng 20 % trong tổng GDP. Điều này cho thấy mặc dù nhà nước chú trọng đẩy mạnh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, nhưng nông nghiệp vẫn luôn đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an toàn lương thực và an ninh quốc gia.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chọn mẫu

Theo Nguyễn Đình Thọ (2011), kích thước mẫu tối thiểu là 50, tốt hơn là 100 và tỉ lệ quan sát (observations)/biến đo lường (items) là 5:1, như vậy theo nghiên cứu này tác giả có 25 biến quan sát được đưa vào phân tích yếu tố khám phá (EFA), do đó số mẫu cần thiết cần có là $25 \times 5 = 125$. Tuy nhiên, để đảm bảo độ tin cậy, các tác giả còn dựa trên ý kiến của chuyên gia, số liệu tổng quan về các tác nhân tham gia trong chuỗi cung rau và nguồn lực sẵn và lựa chọn số mẫu là 200. Tỉ lệ của từng tác nhân trong tổng thể được tính căn cứ trên số lượng mẫu cụ thể và kết hợp với phương pháp chọn mẫu phân tầng với các giá trị cụ thể như sau: hộ sản xuất – 50 % (100 mẫu), người thu mua – 15 % (30 mẫu), người bán buôn – 5 % (10 mẫu), bán lẻ – 10 % (20 mẫu), người tiêu dùng – 20 % (40 mẫu). Số phiếu phát ra là 200, và số phiếu thu lại là 182 do trong quá trình điều tra có một số phiếu không hợp lệ.

Phương pháp thu thập số liệu

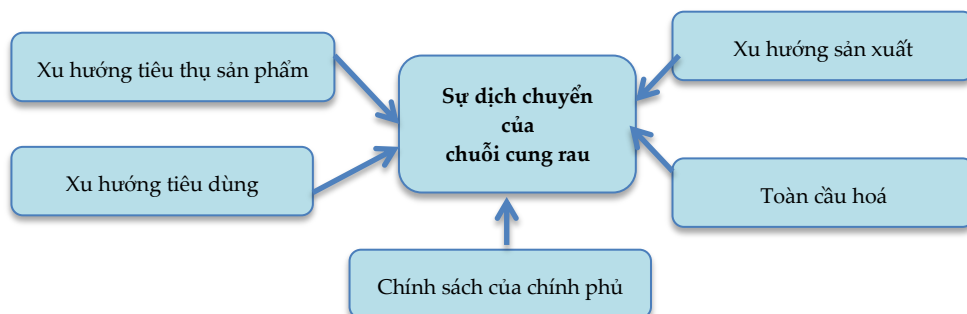
Về nguồn dữ liệu sơ cấp: nghiên cứu tiến hành thu thập thông qua Bảng câu hỏi điều tra được thiết kế riêng cho từng tác nhân trong chuỗi cung rau tại hai huyện Quảng Điền và Phú Vang (hai huyện có diện tích trồng rau lớn nhất tỉnh TTH). Bên cạnh đó, phỏng vấn sâu được thực hiện với các chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về nguồn dữ liệu thứ cấp: nghiên cứu đã thực hiện thu thập thông tin về tình hình sản xuất rau tại Thừa Thiên Huế từ Cục Thống Kê, Sở Nông nghiệp và PTNT, Trạm Khuyến nông tỉnh TTH, báo chí, Internet và thông tin của các nghiên cứu liên quan trong và ngoài nước.

Phương pháp xử lý số liệu

Công việc thống kê, xử lý và phân tích số liệu được thực hiện bằng phần mềm SPSS.

Mô hình nghiên cứu đề xuất



Sơ đồ 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Xây dựng thang đo

Thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến sự dịch chuyển của chuỗi cung rau được xây dựng cơ bản dựa trên tổng quan các tài liệu nghiên cứu liên quan và tổng hợp ý kiến chuyên gia. Thang đo Likert với năm bậc được sử dụng trong nghiên cứu này: bậc 1 tương ứng với thái độ hoàn toàn không đồng ý, bậc 5 tương ứng với thái độ hoàn toàn đồng ý. Cụ thể, các thang đo đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến sự dịch chuyển của chuỗi cung như sau:

Yếu tố	Kí hiệu	Biến quan sát
Xu hướng tiêu dùng	CS1	Thu nhập của người tiêu dùng ngày càng tăng
	CS2	Tầng lớp trung lưu xuất hiện càng nhiều
	CS3	Chế độ ăn uống của người tiêu dùng thay đổi
	CS4	Tốc độ đô thị hoá ngày càng cao
	CS5	Thói quen ăn uống thay đổi do ảnh hưởng của văn hoá nước ngoài
	CS6	Nhu cầu về sản phẩm sạch của người tiêu dùng ngày càng cao
Xu hướng tiêu thụ sản phẩm	MK1	Sự xuất hiện của siêu thị ngày càng nhiều
	MK2	Các cửa hàng bán lẻ ngày càng hiện đại
	MK3	Người dân đã biết ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm
	MK4	Nhà bán lẻ ngày càng kiểm soát việc tiêu thụ sản phẩm
	MK5	Quan hệ giữa người sản xuất và người tiêu dùng ngày càng thân thiết
Xu hướng sản xuất	PR1	Công nghệ sản xuất ngày càng hiện đại
	PR2	Sản xuất dịch chuyển từ cần nhiều lao động sang cần nhiều vốn, kỹ thuật và công nghệ
	PR3	Các giống cây mới được gieo trồng ngày càng nhiều
	PR4	Chi phí đầu vào (điện, nước, phân bón...) luôn biến động
	PR5	Nhân công ngày càng khan hiếm
Toàn cầu hoá	TR1	Toàn cầu hoá dẫn đến thương mại tự do giữa các nước ngày càng tăng
	TR2	Nguồn vốn đầu tư nước ngoài ngày càng nhiều trong lĩnh vực nông nghiệp
	TR3	Xuất hiện nhiều thị trường tiêu thụ mới
	TR4	Cạnh tranh ngày càng gay gắt
	TR5	Cơ hội xuất khẩu ngày càng nhiều
Chính sách của chính phủ	PL1	Nông nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng trong xoá đói giảm nghèo
	PL2	Cò sớ hạ tầng ngày càng được cải thiện (đường liên thôn, liên tỉnh...)
	PL3	Những qui định mới về an toàn thực phẩm được ban hành thường xuyên
	PL4	Qui định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm ngày càng chặt chẽ

3 Kết quả nghiên cứu

3.1 Phân tích yếu tố khám phá (Exploratory Factor Analysis – EFA)

Rút trích các yếu tố ảnh hưởng đến sự dịch chuyển chuỗi cung rau trong thời gian tới

Nhằm kiểm tra xem mẫu điều tra nghiên cứu có đủ lớn và có đủ điều kiện để tiến hành phân tích yếu tố hay không, các tác giả tiến hành kiểm định Kaiser – Meyer – Olkin (KMO – kiểm định sự thích hợp của phân tích nhân tố) và kiểm định Barlett (xem xét giả thuyết các biến không có tương quan trong tổng thể). Với kết quả kiểm định KMO là 0,823 (lớn hơn 0,5) và giá trị p của kiểm định Barlett bé hơn 0,05 (các biến quan sát tương quan với nhau trong tổng thể), có thể kết luận được rằng dữ liệu khảo sát được đảm bảo các điều kiện để tiến hành phân tích yếu tố khám phá EFA và có thể sử dụng các kết quả đó (Bảng 1).

Bảng 1. Kiểm định KMO và Bartlett

Sự thích hợp của phân tích nhân tố	0,823	
Kiểm định giả thuyết các biến không có tương quan trong tổng thể	Giá trị χ^2	4843,639
	Bậc tự do	300
	Sig.	0,000

Nguồn: xử lý số liệu điều tra năm 2016

Kết quả phân tích EFA đã cho ra 5 yếu tố cơ bản của mô hình nghiên cứu, giải thích được 77,65 % của biến động. Tất cả các hệ số tải của các yếu tố trong từng nhóm đều lớn hơn 0,5.

Tổng phương sai trích là 77,65 % > 50 %. Do đó, phân tích yếu tố là phù hợp. 5 yếu tố được xác định trong Bảng Ma trận xoay nhân tố có thể được mô tả như sau:

Nhóm yếu tố thứ nhất: xu hướng tiêu dùng (CS) có đại lượng đại diện cho lượng biến thiên được giải thích bởi nhân tố Eigenvalue = 6,641 > 1; yếu tố này liên quan đến các yếu tố quyết định xu hướng tiêu dùng. Yếu tố “Xu hướng tiêu dùng” giải thích được 16,715 % phương sai và là yếu tố có tỷ lệ giải thích biến động lớn nhất.

Nhóm yếu tố thứ hai: xu hướng tiêu thụ sản phẩm (MK), có đại lượng đại diện cho lượng biến thiên được giải thích bởi nhân tố Eigenvalue = 4,231 > 1; yếu tố này liên quan đến những thay đổi trong thói quen tiêu thụ. Yếu tố này giải thích được 16,416 % phương sai.

Nhóm yếu tố thứ ba: xu hướng sản xuất (PR), có đại lượng đại diện cho lượng biến thiên được giải thích bởi nhân tố Eigenvalue = 3,384 > 1; yếu tố này bao gồm các yếu tố liên quan đến xu hướng sản xuất của người trồng rau. Nhóm yếu tố “Xu hướng sản xuất” giải thích được 16,405 % phương sai.

Nhóm yếu tố thứ tư: toàn cầu hóa (TR), có giá trị Eigenvalue = 3,046 > 1; yếu tố này bao gồm các yếu tố đánh giá của người trả lời về xu hướng toàn cầu hóa hiện nay. Yếu tố này giải

thích được 15,404 % phương sai.

Nhóm yếu tố thứ năm: chính sách của chính phủ (PL) có đại lượng đại diện cho lượng biến thiên được giải thích bởi nhân tố Eigenvalue = 2,111 > 1; yếu tố này bao gồm các yếu tố đánh giá của người trả lời về các chính sách của Chính phủ, cơ quan nhà nước trong quản lý, phát triển các hoạt động nông nghiệp. Yếu tố này giải thích được 12,711 % phương sai.

Rút trích yếu tố sự dịch chuyển

Yếu tố Sự dịch chuyển được xem là kết quả của các yếu tố Xu hướng tiêu dùng, Xu hướng tiêu thụ sản phẩm, Xu hướng sản xuất, Xu hướng toàn cầu hóa và Chính sách của Chính phủ. Sử dụng phương pháp phân tích yếu tố khám phá với các chỉ tiêu đo lường Sự dịch chuyển, nghiên cứu thu được kết quả cho thấy Eigenvalues bằng 1,959 thỏa mãn điều kiện lớn hơn 1 và tổng phương sai rút trích là 65,290 % > 50 % chứng tỏ các điều kiện của phân tích yếu tố là phù hợp đối với biến quan sát (Bảng 2).

Bảng 2. Kết quả phân tích yếu tố sự dịch chuyển của chuỗi cung rau

Biến quan sát	Giá trị
Có sự dịch chuyển chuỗi cung rau	0,850
Liên kết giữa người sản xuất và nhà phân phối ngày càng chặt chẽ hơn trong chuỗi cung ứng mới	0,812
Nhà bán lẻ hiện đại sẽ là yếu tố chi phối toàn bộ chuỗi cung rau	0,759
<i>Eigenvalues = 1,959</i>	
<i>Phương sai trích: 65,290 %</i>	

Nguồn: xử lý số liệu điều tra năm 2016

3.2 Kiểm định độ tin cậy thang đo

Tiếp theo, để đánh giá độ tin cậy của 6 nhóm biến này, các tác giả đã tiến hành phân tích Cronbach Alpha cho từng nhóm.

Bảng 3. Hệ số Cronbach's Alpha của các nhóm biến quan sát đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự dịch chuyển chuỗi cung rau

Nhóm biến	Cronbach's Alpha	Biến thiên của tập dữ liệu	Số lượng biến
Xu hướng tiêu dùng	0,907	16,715	6
Xu hướng tiêu thụ sản phẩm	0,942	16,416	5
Xu hướng sản xuất	0,944	16,405	5
Toàn cầu hóa	0,918	15,404	5
Chính sách của chính phủ	0,909	12,711	4
<i>Phương sai trích: 64,949 %</i>			

Nguồn: xử lý số liệu điều tra năm 2016

Hệ số Cronbach's Alpha của tất cả các yếu tố sau khi rút trích từ các biến quan sát bằng phương pháp phân tích yếu tố EFA đều lớn hơn 0,7 và trong mỗi nhóm biến thì hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đều lớn hơn 0,3 (Bảng 3). Điều này khẳng định thang đo các yếu tố rút trích từ các biến quan sát là phù hợp và đáng tin cậy. Vậy có thể sử dụng 6 nhóm biến này trong các bước phân tích tiếp theo.

Bảng 4. Hệ số Cronbach's Alpha của các nhóm biến sự dịch chuyển chuỗi cung rau

Biến	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan tổng biến	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
Sự dịch chuyển = 0,734 (65,290 %)				
Có sự dịch chuyển chuỗi cung rau	6,500	0,815	0,561	0,643
Liên kết giữa người sản xuất và nhà phân phối ngày càng chặt chẽ hơn trong chuỗi cung ứng mới	6,467	0,770	0,619	0,570
Nhà bán lẻ hiện đại sẽ là yếu tố chi phối toàn bộ chuỗi cung rau	6,252	0,897	0,495	0,718

Nguồn: xử lý số liệu điều tra năm 2016

3.3 Phân tích hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến sự dịch chuyển chuỗi cung rau tại tỉnh Thừa Thiên Huế

Trong mô hình phân tích hồi quy, biến phụ thuộc là biến “Sự dịch chuyển”. Các biến độc lập là các yếu tố được rút trích ra từ các biến quan sát ở phân tích yếu tố khám phá EFA.

Mô hình hồi quy như sau:

$$TD = \beta_0 + \beta_1 \cdot CS + \beta_2 \cdot MK + \beta_3 \cdot PR + \beta_4 \cdot TR + \beta_5 \cdot PL$$

Các giả thuyết: H₀: Các yếu tố chính không có mối tương quan với sự dịch chuyển chuỗi cung rau; H₁, H₂, H₃, H₄, H₅: Năm yếu tố trong mô hình nghiên cứu đề xuất lần lượt có tương quan với dịch chuyển chuỗi cung rau.

Kiểm định mô hình

Kiểm định giá trị độ phù hợp

Bảng 5. Tóm tắt mô hình

Mô hình	R	R ²	R ² điều chỉnh	Ước lượng độ lệch chuẩn	Durbin-Watson
4	0,756	0,571	0,559	0,28380	1,938

Nguồn: xử lý số liệu điều tra năm 2016

Độ phù hợp của mô hình được thể hiện qua giá trị R^2 điều chỉnh. Kết quả ở Bảng 5 cho thấy mô hình 5 biến độc lập có giá trị R^2 điều chỉnh cao nhất là 0,559. Như vậy, độ phù hợp của mô hình là 55,9 %. Hay nói cách khác, 55,9 % biến thiên của biến sự dịch chuyển chuỗi cung rau được giải thích bởi 5 biến quan sát trên, còn lại là do ảnh hưởng của các yếu tố khác ngoài mô hình. Các bước tiếp theo sẽ sử dụng mô hình hồi quy gồm 5 biến độc lập này để phân tích.

Kiểm định F

Bước tiếp theo trong phân tích hồi quy đó là thực hiện kiểm định F về độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính tổng thể, xem biến phụ thuộc có liên hệ tuyến tính với toàn bộ biến độc lập hay không.

Giả thuyết H_0 đặt ra đó là: $\beta_1 = \beta_2 = \beta_3 = \beta_4 = \beta_5 = 0$,

Bảng 6. Kiểm định độ phù hợp của mô hình

ANOVA ^e					
Mô hình	Tổng bình phương	Bậc tự do	Trung bình bình phương	F	Sig.
Hồi quy	18,858	5	3,772	46,828	0,000b
Số dư	14,175	176	0,081		
Tổng	33,034	181			

Nguồn: xử lý số liệu điều tra năm 2016

Kết quả phân tích phương sai một yếu tố cho thấy giá trị Sig. = 0,000 rất nhỏ cho phép bác bỏ giả thiết H_0 . Như vậy, mô hình hồi quy thu được rất tốt, vì tổng cộng bình phương sai số ước lượng rất nhỏ so với tổng cộng độ biến động của số liệu. Sự kết hợp các biến độc lập giải thích được tốt các thay đổi của biến phụ thuộc là “Sự dịch chuyển chuỗi cung rau”.

Dò tìm các vi phạm giả định cần thiết

a. Giả định về phân phối chuẩn của phần dư

Tính chất phân phối của phần dư thể hiện qua biểu đồ tần số với giá trị trung bình là $-4,16E-17$ gần bằng 0 và độ lệch chuẩn là 0,986 tức xấp xỉ bằng 1, và có thể kết luận rằng giả thiết phân phối chuẩn không bị vi phạm.

b. Giả định tính độc lập của sai số

Đại lượng Durbin – Watson được dùng để kiểm định tương quan của các sai số kề nhau. Giả thuyết khi tiến hành kiểm định này là: H_0 : hệ số tương quan tổng thể của các phần dư bằng 0 và H_1 : hệ số tương quan tổng thể của các phần dư khác 0. Thực hiện hồi quy cho ta kết quả về trị kiểm định d của Durbin – Watson trong Bảng tóm tắt mô hình bằng 1,938. Theo điều kiện hồi

quy, giá trị Durbin – Watson phải nằm trong khoảng 1,6 đến 2,6. Giá trị d tính được rơi vào miền chấp nhận giả thuyết không có tự tương quan. Như vậy, mô hình không vi phạm giả định về hiện tượng tự tương quan.

c. Giả định không có hiện tượng đa cộng tuyến

Mô hình hồi quy vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến khi có giá trị VIF lớn hơn hay bằng 10. Với độ chấp nhận lớn và hệ số phóng đại phương sai của các biến đều nhỏ hơn 10, mô hình hồi quy không vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến (Bảng 7).

Bảng 7. Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến

Mô hình	Đo lường đa cộng tuyến	
	Độ chấp nhận	Hệ số phóng đại phương sai
Xu hướng tiêu dùng	0,975	1,026
Xu hướng tiêu thụ sản phẩm	0,757	1,320
Xu hướng sản xuất	0,742	1,348
Toàn cầu hóa	0,943	1,060
Chính sách của Chính phủ	0,990	1,010

Nguồn: xử lý số liệu điều tra năm 2016

Kết quả phân tích hồi quy đa biến và đánh giá mức độ quan trọng của từng yếu tố

Kiểm định t trong phân tích hệ số hồi quy cho ta thấy giá trị Sig. của tất cả các biến độc lập đều nhỏ hơn 0,05. Do đó, có thể nói rằng tất cả các biến độc lập đều có ảnh hưởng đến dịch chuyển chuỗi cung rau. Tất cả các yếu tố này đều có ý nghĩa trong mô hình và ảnh hưởng cùng chiều đến sự dịch chuyển chuỗi cung rau do các hệ số hồi quy đều dương.

Phương trình hồi quy tổng quát của mô hình được viết lại như sau:

$$\text{Sự dịch chuyển} = -0,136 + 0,187\text{CS} + 0,154\text{MK} + 0,305\text{PK} + 0,102\text{TR} + 0,286\text{PL}$$

Thông qua các hệ số hồi quy chuẩn hoá, ta biết được mức độ quan trọng của các yếu tố tham gia vào phương trình. Cụ thể, yếu tố “Xu hướng sản xuất” có ảnh hưởng cao nhất ($\beta = 0,305$) đến “Sự dịch chuyển của chuỗi cung rau”. Các yếu tố “Sự tiêu thụ sản phẩm”, “Xu hướng tiêu dùng” và đặc biệt là “Chính sách của Chính phủ” cũng có hệ số hồi quy chuẩn hóa tương đối cao cho thấy ảnh hưởng không nhỏ đến sự dịch chuyển dịch chuỗi cung. Yếu tố “Toàn cầu hóa” có hệ số hồi quy chuẩn hóa thấp nhất ($\beta = 0,102$) cho thấy sự dịch chuyển chuỗi cung rau cũng phần nào được ảnh hưởng bởi xu thế toàn cầu hóa và đầu tư nước ngoài ngày càng tăng ở Việt Nam, nhưng sự ảnh hưởng này vẫn chưa rõ ràng do lĩnh vực ưu tiên trong luồng vốn FDI là công nghiệp và dịch vụ chứ không phải là nông nghiệp.

Bảng 8. Kết quả phân tích hồi quy đa biến

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hoá		Hệ số hồi quy chuẩn hoá	t	Sig.
	β	Độ lệch chuẩn			
(Hằng số)	-0,136	0,283		-0,480	0,632
Xu hướng tiêu dùng	0,187	0,038	0,246	4,916	0,000
Xu hướng tiêu thụ sản phẩm	0,154	0,031	0,279	4,914	0,000
Xu hướng sản xuất	0,305	0,037	0,472	8,229	0,000
Toàn cầu hoá	0,102	0,033	0,156	3,066	0,003
Chính sách của Chính phủ	0,286	0,053	0,269	5,426	0,000

Nguồn: xử lý số liệu điều tra năm 2016

4 Kết luận

Nghiên cứu đã xây dựng được mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự dịch chuyển chuỗi cung rau trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế với 5 yếu tố ảnh hưởng đó là: Xu hướng tiêu thụ sản phẩm, Xu hướng tiêu dùng, Xu hướng sản xuất, Toàn cầu hoá và Chính sách của chính phủ. Kết quả phân tích EFA đã cho ra các yếu tố cơ bản của mô hình nghiên cứu, 5 yếu tố này giải thích được 55,9 % của biến động của biến phụ thuộc. Qua phân tích nhân tố và chạy mô hình hồi qui các yếu tố ảnh hưởng, các tác giả đã chỉ ra rằng nhóm các yếu tố về xu hướng sản xuất có ảnh hưởng lớn nhất đến sự dịch chuyển chuỗi cung rau với hệ số $\beta = 0,305$. Nhóm các yếu tố về Chính sách của Chính phủ có mức độ ảnh hưởng đứng thứ hai phản ánh đúng thực tế sự phát triển của ngành hàng rau cũng như sự dịch chuyển của chuỗi cung rau tại TTH bị chi phối nhiều bởi những chính sách về nông nghiệp của chính quyền địa phương. Nhóm yếu tố “ Xu hướng tiêu dùng” có ảnh hưởng lớn thứ ba trong hàm hồi qui các yếu tố ảnh hưởng đến sự dịch chuyển chuỗi cung rau. Nhóm yếu tố có ảnh hưởng lớn thứ tư trong hàm hồi qui nhóm các yếu tố ảnh hưởng đến sự dịch chuyển chuỗi cung rau và “Xu hướng tiêu thụ sản phẩm”. Cuối cùng, nhóm các yếu tố xu hướng toàn cầu tuy không có ảnh hưởng nhiều với hệ số $\beta = 0,102$.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo tình hình sản xuất rau trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, 2014 và 2015, Sở Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Nguyen Dinh Tho (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, NXB Lao động Xã hội Hà Nội.
3. Ellen B. McCullough, Prabhu L. Pingali and Kostas G. Stamoulis (2010), *Small Farms and the Transformation of Food Systems: An Overview. Looking east looking west: organic and quality food marketing in Asia and Europe*. Co-Editors: Canavari, M., Slee, B., Chen, T. and Bundit, A., Wageningen Academic Publishers: Wageningen.
4. Jean-Joseph Cadilhon, Paule Moustier, Nigel D. Poole, Phan Thi Giac Tam and Andrew P. Fearne, (2006), *Traditional vs. Modern Food Systems? Insights from Vegetable Supply Chains to Ho Chi Minh City (Vietnam)*, *Development Policy Review* 24 (1): 31–49.
5. Joel D. Wisner, Keah-Choon Tan, G. Keong Leong, (2012), *Principles of Supply Chain Management- A Balanced Approach*, South- Western and Cengage Learning, SBN 13: 978-0-538-47546-4 , ISBN 10: 0-538-47546-3.
6. Pingali, P., Meier, M. and Kwaja, Y. (2005), *Commercializing Small Farms: Reducing Transaction Costs*. In *The Future of Small Farms: Proceedings of a Research Workshop*, 25-29 June 2005, Wye, UK. International Food Policy Research Institute. Washington, D.C..
7. Reardon, T.; Timmer, C. P.; Barrett, C. B. and Berdegue, J. A. (2003), 'The Rise of Supermarkets in Africa, Asia, and Latin America', *American Journal of Agricultural Economics* 85 (5): 1140–46.
8. Wilkinson, J. (2008), 'The food processing industry, globalization and developing countries'. In: McCullough, E. B., Pingali, Pr. L. and Stamoulis, K. G., eds. (2008): *The Transformation of Agri-Food. Impacts on Smallholder Agriculture*. FAO and Earthscan, London

FACTORS AFFECTING THE SHIFT OF VEGETABLE SUPPLY CHAIN IN THUA THIEN HUE PROVINCE

Nguyen Thi Dieu Linh*, Tran Duc Tri

HU – University of Economics, 100 Phung Hung St., Hue, Vietnam

Abstract: Due to objective and subjective reasons, the agricultural production supply chain, in general, and vegetable production one, in particular, have changed the structure as well as the stakeholders involved. It is real that the vegetable supply chain has shifted from traditional to structural and modern form. This article aims to analyze which factors influence this shift and how the stakeholders can benefit from it. The Exploratory Factor Analysis (EFA) was used in the paper to look for the factors that affect this shift. The factors that affect the shift of the vegetable supply chain in Thua Thien Hue province include Consumption tendency, Marketing tendency, Production tendency, Globalization and Government Policies. The results of regression analysis show that Production tendency has the largest impact on the shift of the vegetable supply chain ($\beta = 0,305$), followed by policies of government ($\beta = 0,286$), Consumption tendency ($\beta = 0,187$), and Marketing tendency ($\beta = 0,154$), while the Globalization has the smallest impact ($\beta = 0,102$).

Keywords: Vegetable supply chain, shift, Exploratory Factor Analysis, regression analysis